

Bản án số: 55/2020/HNGĐ - ST

Ngày 18/6/2020

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.*

## **NHÂN DANH**

### **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Bình

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXX-ST ngày 26/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung Q, Sinh năm 1958; Địa chỉ: 295 Lê D, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

Bị đơn: Bà Vũ Thị Bích V, Sinh năm 1973; Địa chỉ: 02A Săm B, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Trung Q trình bày có nội dung như sau:***

Ông Nguyễn Trung Q và bà Vũ Thị Bích V là vợ chồng lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 06/9/2016.

Trong quá trình sống chung ông Nguyễn Trung Q và bà Vũ Thị Bích V hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thường xuyên xảy ra cãi vã, không hợp nhau về tính tình, lối sống. Mặt khác, bà Vũ Thị Bích V còn có hành vi bạo lực, ảnh hưởng đến thể xác và tinh thần của ông Q. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Q và bà V đã quá trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Q xin ly hôn với bà Vũ Thị Bích V.

Về con chung: Quá trình sống chung ông Q và bà V có một con chung là cháu Nguyễn Tuấn A – Sinh ngày 14/4/2017. Ông Q đồng ý giao con chung là Nguyễn Tuấn A cho bà V trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung Nguyễn Tuấn A đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Q đồng ý cấp dưỡng để nuôi con chung Nguyễn Tuấn A cho đến tuổi trưởng thành với mức cấp dưỡng là 4.000.000 đồng.

Hiện ông Q đang kinh doanh nhà nghỉ thu nhập bình quân tháng khoảng 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bà Vũ Thị Bích V trình bày có nội dung như sau:***

Bà Vũ Thị Bích V và ông Nguyễn Trung Q tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 06/9/2016.

Trong quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, xung đột, ông Q còn có hành vi chửi bới, nhục mạ bà V, nhiều lần xua đuổi bà V ra khỏi nhà làm ảnh hưởng đến tâm lý của bà V. Tuy nhiên, con cái còn nhỏ, cần sự chăm sóc của cả cha và mẹ, bà V không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của con chung nên không đồng ý ly hôn mà mong muốn đoàn tụ.

Trong trường hợp ông Nguyễn Trung Q cương quyết xin ly hôn và Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà V có nguyện vọng xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tuấn A – Sinh ngày 14/4/2017 cho đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà V đề nghị ông Nguyễn Trung Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 7.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này không thỏa thuận được sẽ khởi kiện thành vụ án khác yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.*

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Vũ Thị Bích V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Trung Q và bà Vũ Thị Bích V đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 06/9/2016. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Trung Q và bà V xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, kéo dài, không hòa giải được nên ông Nguyễn Trung Q có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Vũ Thị Bích V. Tại phiên tòa nguyên đơn ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà V.

Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên đương sự đều xác định, trong quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Trung Q và bà Vũ Thị Bích V xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng có hành vi không tôn trọng nhau. Tháng 8 năm 2019, ông Nguyễn Trung Q nộp đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Vũ Thị Bích V. Tuy nhiên ông Nguyễn Trung Q đã rút đơn khởi kiện để đoàn tụ gia đình. Sau đó, do mâu thuẫn ngày càng gay gắt mà không thể hòa giải được nên ông Nguyễn Trung Q tiếp tục nộp đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Vũ Thị Bích V. Mặt khác, tại biên bản xác minh của Tòa án chính quyền địa phương cho biết ông Q và bà V có mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng hay không, thì không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải. Vì vậy, chính quyền địa phương không nắm được.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa ông Q và bà V đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà V không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hòa giải để cải thiện cuộc sống vợ chồng mà để mặc cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Q là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của các đương sự, cũng như quyền lợi của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Q đồng ý giao con chung cho bà V nuôi dưỡng, để ổn định tâm lý cũng như tạo mọi điều kiện cho con chung phát triển một cách toàn diện. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 14/4/2017, cho bà Vũ Thị Bích V trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Vũ Thị Bích V yêu cầu ông Nguyễn Trung Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 7.000.000 đồng/tháng. Ông Nguyễn Trung Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo mức cấp dưỡng là 4.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng mà bà Vũ Thị Bích V yêu cầu là không phù hợp. Bởi lẽ, ông Q là người cao tuổi, thu nhập chủ yếu phụ thuộc vào việc kinh doanh với mức thu nhập bình quân tháng là 10.000.000 đồng/tháng. Do đó, để bảo đảm cuộc sống của ông Q và bảo đảm quyền lợi của con chung cần buộc ông Nguyễn Trung Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Vũ Thị Bích V hàng tháng với mức cấp dưỡng là 4.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích về mọi mặt và đáp ứng nhu cầu chi phí sinh hoạt

hàng ngày của con chưa thành niên, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con chung Nguyễn Tuấn A đủ tuổi thành niên.

[5] Về tài sản chung: Quá trình, giải quyết vụ án bà V không yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản chung, sau khi Tòa án mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì ngày 27/5/2020 bà V có đơn kiện phản tố việc tranh chấp tài sản khi ly hôn, tuy nhiên sau đó bà V thường xuyên vắng mặt không tham gia tố tụng trực tiếp tại Tòa án. Quá trình xét xử bà V cũng vắng mặt không tham gia, do đó Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Trung Q không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, bà V vắng mặt không tham gia tố tụng trực tiếp tại phiên tòa. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi của các bên về phần tài sản không đặt ra xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện giải quyết tranh chấp về tài sản chung thành một vụ án độc lập theo quy định của pháp luật.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Trung Q phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, ông Nguyễn Trung Q, sinh năm 1958 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại cho ông Nguyễn Trung Q 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí mà bà Phạm Thị H nộp thay cho ông Q tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0005821 ngày 14/02/2020.

*Vì các lý trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trung Q xin ly hôn bà Vũ Thị Bích V.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trung Q được ly hôn bà Vũ Thị Bích V.

Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 14/4/2017, cho bà Vũ Thị Bích V trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Nguyễn Trung Q cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 14/4/2017 cùng bà Vũ Thị Bích V mỗi tháng là

4.000.000 đồng, thời hạn bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 07/2020 cho đến khi con chung Nguyễn Tuấn A đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Trung Q được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết. Nguyên đơn ông Nguyễn Trung Q, bị đơn bà Vũ Thị Bích V được quyền khởi kiện giải quyết tranh chấp về tài sản chung thành một vụ án độc lập theo quy định của pháp luật

Về án phí: Miễn nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Trung Q.

Trả lại cho ông Nguyễn Trung Q 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí mà bà Phạm Thị H nộp thay cho ông Q tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0005821 ngày 14/02/2020.

Nguyên đơn, có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. B;
- UBND xã C, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Lê Đình Thanh**

